

TỔNG HỢP TIN TỨC THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Các chỉ số chứng khoán lớn tại Mỹ tiếp tục chuỗi 6 tuần tăng điểm liên tiếp. Dow Jones đã chính thức chinh phục mốc 11.000 phiên đầu tuần này. Gói cứu trợ trị giá 30 tỷ euro dành cho Hy Lạp và thông tin tốt hơn dự báo từ khu vực bán lẻ tại Mỹ cuối tuần trước đã hỗ trợ mạnh mẽ tâm lý nhà đầu tư, củng cố niềm tin vào sự hồi phục của nền kinh tế. Trong những tuần tới, thông tin về lợi nhuận được công bố từ các doanh nghiệp sẽ là tâm điểm của thị trường, một số chuyên gia nhận định Dow Jones có thể chinh phục mốc 11.300 điểm trong thời gian không xa.

Các bộ trưởng tài chính khu vực đồng euro (Eurozone) phê duyệt gói tín dụng trị giá 30 tỷ euro dành cho Hy Lạp. Quyết định được thông qua hôm chủ nhật vừa qua đã làm dịu nỗi lo lắng từ cuộc khủng hoảng nợ tại Hy Lạp. Theo kế hoạch, Eurozone sẽ cho Hy Lạp vay 30 tỷ euro với lãi suất 5%, thấp hơn nhiều so với lãi suất trái phiếu chính phủ Hy Lạp trên thị trường thời điểm này (7,3%). IMF cũng cam kết cho Hy Lạp vay 10 tỷ euro trong năm tài chính này. Chính phủ Hy Lạp sẽ có quyết định chấp nhận gói cứu trợ này hay không trong vài ngày tới, tùy thuộc vào lãi suất trên thị trường. Trước đó Hy Lạp có kế hoạch phát hành khoảng 5-10 tỷ đô la trái phiếu vào tháng Năm tại thị trường Mỹ.

Đồng euro tăng giá lên mức cao nhất trong gần một tháng trở lại đây, lên mức 1.3665 USD/EURO tại thị trường Châu Á phiên sáng thứ Hai. Thị trường chứng khoán Châu Âu tăng mạnh sau thông tin gói cứu trợ Hy Lạp được thông qua.

Trung Quốc có thể sẽ nới lỏng biên độ giao dịch đồng nhân dân tệ thay vì nâng giá đồng tiền này, Zhu Baoliang, kinh tế gia trưởng Trung tâm Thông tin kinh tế quốc gia (Trung Quốc) ngày hôm qua phát biểu. Cuối tháng Năm này, Trung Quốc và Mỹ sẽ có đối thoại chiến lược về kinh tế, sau đó sẽ là cuộc đua trước kỳ bầu cử quốc hội giữa kỳ tại Mỹ vào đầu tháng Mười Một. Trong khoảng thời gian này, lãnh đạo hai nước có thể sẽ có những quyết định quan trọng về chính sách tỷ giá, chuyên gia phân tích của Essence Securities (Trung Quốc) nhận định.

Cán cân thương mại của Trung Quốc đã thâm hụt hơn 7 tỷ đô la trong tháng Ba, đây là thâm hụt thương mại theo tháng lần đầu tiên của nước này trong vòng 6 năm gần đây.

Trung Quốc có thể nâng lãi suất ngay trong tháng Tư. Cũng theo ông Zhu Baoliang, dự báo lạm phát tại Trung Quốc có thể tiếp tục xấu đi do giá bất động sản vẫn tiếp tục nóng lên. Nhiều

Thị trường chứng khoán thế giới

Mỹ	Đóng cửa	Thay đổi	±%
Dow Jones	11.005,97	+8,62	+0,08
Nasdaq	2.457,87	+3,82	+0,16
S&P 500	1.196,48	+2,11	+0,18
Châu Âu			
FTSE 100	5.777,65	+6,67	+0,12
DAX 30	6.250,69	+0,99	+0,02
CAC 40	4.050,5	-0,04	-0,0
Châu Á			
Nikkei 225	11.251,9	+47,56	+0,42
Hang Seng	22.138,17	-70,33	-0,32
Shanghai	3.129,26	-16,08	-0,51

Thị trường dầu, vàng và dollar

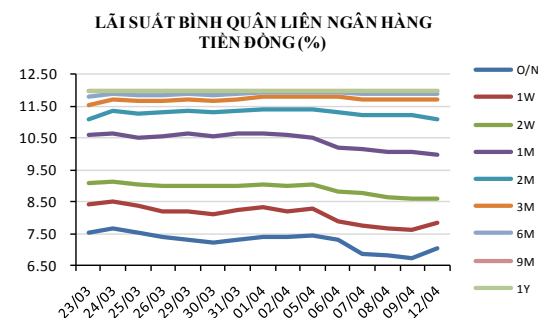
	Giá	Giao dịch ³
Dầu thô ¹	84,35	4:00 pm
Vàng ²	1.156,2	4:00 pm
US dollar index	80,67	4:00 pm

1- Dầu thô nhẹ giao tháng 5 - New York Mercantile Exchange

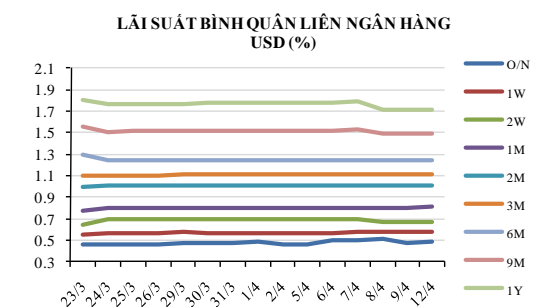
2- Vàng kỳ hạn giao tháng 6 - Commodity Exchange Inc.

3- Phiên giao dịch theo giờ New York (GMT-5)

Nguồn: Yahoo Finance



Nguồn: Thomson Reuters



Nguồn: Thomson Reuters

khả năng Ngân hàng trung ương nước này sẽ nâng lãi suất, có thể ngay trong tháng Tư để đối phó với lạm phát.

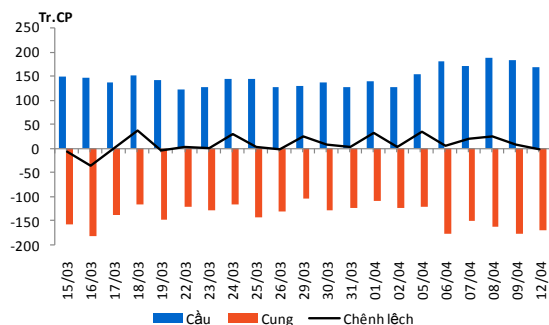
Nhật Bản có thể tiếp tục nói lỏng tiền tệ. Đa số thành viên ban điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng trung ương Nhật Bản (BOJ) đều nhất trí quan điểm tiếp tục nói lỏng tiền tệ sẽ hỗ trợ nền kinh tế. Trong kỳ họp giữa tháng Ba vừa qua, BOJ đã tăng gấp đôi lượng tiền bơm vào nền kinh tế với lãi suất thấp so với hồi tháng Mười Hai năm ngoái. Báo cáo đầu tháng Tư của BOJ cho thấy đã có sự cải thiện trong nền kinh tế, điều này hỗ trợ quan điểm của nhiều kinh tế gia cho rằng BOJ nên tiếp tục nói lỏng tiền tệ. Rất có thể cơ quan này sẽ tiếp tục tăng lượng tiền trong lưu thông trong những tháng tới.

Tại Việt Nam, tỷ giá giữa đồng đô la và VND tiếp tục giảm. Ngày hôm qua, tỷ giá tại thị trường tự do đã giảm còn 19.010 - 19.060 VND/USD (mua vào – bán ra), tiếp tục thu hẹp chênh lệch với tỷ giá niêm yết chính thức tại các ngân hàng thương mại (18.990 – 19.070 VND/USD). Theo đánh giá, lượng đô la được cất giữ trong bộ phận dân cư lên tới trên 9 tỷ USD, nhiều khả năng đã có một phần trong số này được người dân bán ra để đầu tư, hoặc gửi tiết kiệm bằng tiền đồng với lãi suất hấp dẫn hơn khiến tỷ giá VND/USD liên tục giảm thời gian gần đây

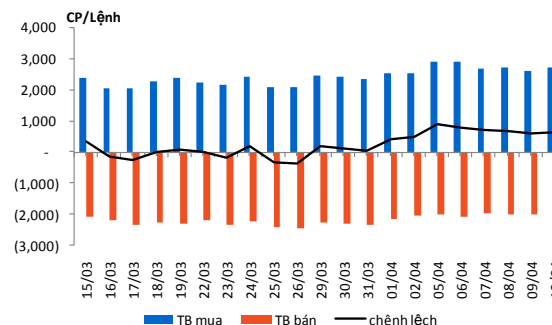
Lãi suất liên ngân hàng các kỳ hạn trên 3 tháng tiếp tục xu thế giảm. Lãi suất liên ngân hàng thể hiện một phần kỳ vọng của thị trường về mặt bằng lãi suất trong tương lai. Với chỉ đạo của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước trong thời gian gần đây, nhiều khả năng mặt bằng lãi suất sẽ giảm trong 1-2 tháng tới. Theo báo cáo của các NHTM về lãi suất cho vay thỏa thuận vào cuối tuần qua, lãi suất cho vay hầu hết các ngân hàng đều dưới mức 15%, cá biệt chỉ có Techcombank mức tối đa lên đến 18%.

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

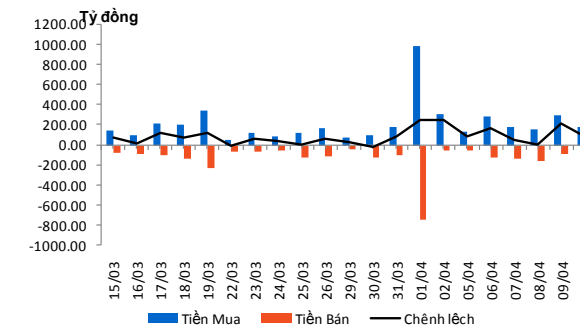
Diễn biến Cung – Cầu (niêm yết)



Diễn biến trung bình lệnh mua/bán (niêm yết)



Diễn biến giao dịch của NĐTNN (niêm yết)



HSX

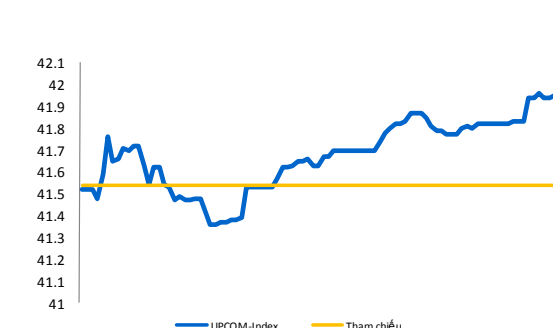
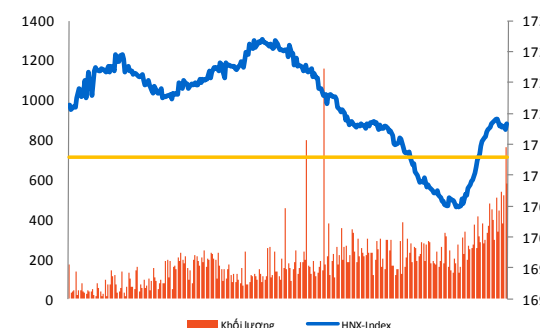
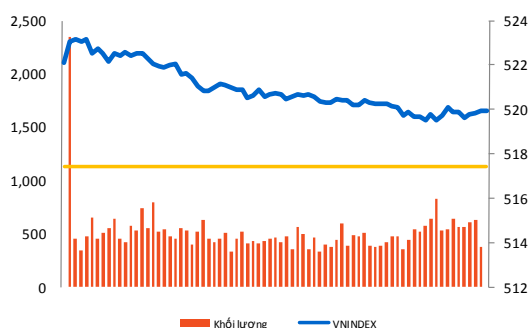
	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	519.93 ↑	2.51	0.49%
KLGD (triệu ck)	54.42 ↓	-9.21	-14.47%
GTGD (tỷ đồng)	2,085.48 ↓	-394.48	-15.91%
Tổng cung (triệu ck)	102.56 ↓	-2.46	-2.34%
Tổng cầu (triệu ck)	94.27 ↓	-16.45	-14.86%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	3.04 ↓	-1.39	-31.39%
KL bán (triệu ck)	2.09 ↓	-0.28	-11.64%
Giá trị mua (tỷ đồng)	162.37 ↓	-92.18	-36.21%
Giá trị bán (tỷ đồng)	85.42 ↑	4.15	5.11%

HNX

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	171.23 ↑	0.40	0.23%
KLGD (triệu ck)	52.93 ↑	3.63	7.36%
GTGD (tỷ đồng)	1,713.44 ↓	-14.91	-0.86%
Tổng cung (triệu ck)	67.18 ↓	-2.51	-3.60%
Tổng cầu (triệu ck)	73.64 ↑	2.93	4.15%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.52 ↓	-0.68	-56.70%
KL bán (triệu ck)	0.43 ↑	0.18	72.14%
Giá trị mua (tỷ đồng)	17.19 ↓	-30.57	-64.01%
Giá trị bán (tỷ đồng)	13.12 ↑	4.69	55.65%

UPCOM

	Giá trị	Thay đổi	± %
UPCOM-Index	42.53 ↑	0.56	1.33%
KLGD (triệu ck)	0.64 ↑	0.40	175.33%
GTGD (tỷ đồng)	8.22 ↑	5.35	186.58%
Tổng cung (triệu ck)	0.83 ↑	0.55	199.78%
Tổng cầu (triệu ck)	1.35 ↑	0.84	165.07%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.00 ↑	0.00	0.00%
KL bán (triệu ck)	0.00 ↑	0.00	0.00%
Giá trị mua (tỷ đồng)	0.00 ↑	0.00	0.00%
Giá trị bán (tỷ đồng)	0.00 ↑	0.00	0.00%



HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
CII	40,400	42,200	4.46	134,760
REE	51,500	52,000	0.97	66,128
NBB	88,500	92,500	4.52	63,553
SSI	43,200	43,300	0.23	53,604
PPI	32,000	38,400	20.00	47,613

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
ACL	32,000	33,600	1,600	5.00
TTF	32,000	33,600	1,600	5.00
VFG	80,000	84,000	4,000	5.00
CNT	36,000	37,800	1,800	5.00
HLG	26,100	27,400	1,300	4.98

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
UIC	24,400	23,200	-1,200	-4.92
MCV	31,100	29,600	-1,500	-4.82
FPC	6,300	6,000	-300	-4.76
BTP	12,700	12,100	-600	-4.72
VPH	63,500	60,500	-3,000	-4.72

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
VNM	11,612	DPM	12,234
VIC	11,122	SSI	8,817
VNS	8,507	IMP	7,157
HCM	7,800	CII	5,288
VCB	7,720	HPG	4,756

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
PVX	28,800	30,800	6.94	366,947
KLS	23,600	24,600	4.24	105,885
VCG	54,700	54,100	-1.10	81,282
VSP	29,000	31,000	6.90	70,747
PVC	34,300	35,600	3.79	60,110

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
YBC	31,500	33,700	2,200	6.98
PDC	12,900	13,800	900	6.98
PVE	21,500	23,000	1,500	6.98
HUT	48,800	52,200	3,400	6.97
VND	47,500	50,800	3,300	6.95

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
S96	44,300	41,200	-3,100	-7.00
MAC	30,100	28,000	-2,100	-6.98
DTC	89,000	82,800	-6,200	-6.97
TJC	20,100	18,700	-1,400	-6.97
DPC	21,600	20,100	-1,500	-6.94

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
SDT	3,308	BVS	4,948
PVI	2,912	PVI	3,601
VGS	2,784	PVE	1,112
STL	2,504	PVC	741
PVS	1,314	DXP	455

UPCOM

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
UDJ	13,400	14,600	8.96	3,679
VDS	17,200	17,700	2.91	1,273
API	8,000	8,300	3.75	990
HDO	12,600	12,700	0.79	660
VPC	6,800	6,900	1.47	351

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
UDJ	13,400	14,600	1,200	8.96
ABI	8,000	8,600	600	7.50
VQC	44,000	47,000	3,000	6.82
CLS	10,200	10,800	600	5.88
ITD	17,000	18,000	1,000	5.88

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
PTP	7,700	7,000	-700	-9.09
TNM	7,800	7,500	-300	-3.85
PSP	8,300	8,000	-300	-3.61
PPP	8,600	8,400	-200	-2.33
MAS	14,800	14,500	-300	-2.03

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ

Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa	KLGD (10 cp)	Tăng/Giảm (%)	Nơi giao dịch
DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	33.4	59,830	↑ 2.45	HSX
ICG	Công ty CP Xây dựng Sông Hồng	36.1	74,700	↓ -4.75	HNX
NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	8.1	-	→ 0.00	UPCOM
PDC	Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông	13.8	23,700	↑ 6.98	HNX
PET	Công ty CP Dịch vụ Du lịch Dầu khí	27.0	53,250	↓ -1.82	HSX
PGD	Công ty CP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	49.5	31,694	↓ -1.98	HSX
PGS	Công ty CP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	26.2	6,690	↓ -2.96	HNX
PHH	Công ty CP Hồng hà Dầu khí	51.5	43,540	↓ -3.74	HNX
PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	7.6	1,161	→ 0.00	UPCOM
PSP	Công ty CP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	8.0	1,880	↓ -3.61	UPCOM
PVA	Công ty CP Xây dựng Dầu khí Nghệ An	79.0	73,830	↓ -1.25	HNX
PVC	Công ty CP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	35.6	165,880	↑ 3.79	HNX
PVD	Công ty CP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	57.0	14,194	↓ -2.56	HSX
PVE	Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Thiết bị Dầu khí	23.0	105,230	↑ 6.98	HNX
PVF	Tổng công ty CP Tài chính Dầu khí	29.3	29,084	↑ 1.03	HSX
PVG	Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	24.5	16,080	↓ -4.30	HNX
PVI	Tổng công ty CP Bảo hiểm Dầu khí	28.9	39,290	↓ -2.36	HNX
PVS	Tổng công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	33.0	32,470	↓ -2.37	HNX
PVT	Tổng công ty cổ phần vận tải Dầu khí	12.8	36,186	↓ -2.29	HSX
PVX	Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	30.8	1,203,790	↑ 6.94	HNX

LỊCH SỰ KIẾN

Lịch đấu giá các công ty

Công ty	VĐL (tỷ đồng)	Tổng số CP chào bán	Giá khởi điểm (đ/cp)	Ngày đấu giá	Thời gian nhận đặt cọc
CTCP Kinh khí hóa lỏng miền Nam	150	6,500,000	25,000	06/05/2010	Từ 8/4/2010 đến 27/4/2010
Xí nghiệp in Báo Thanh Niên lần 2	78.5	1,771,351	10,200	26/04/2010	Từ 02/04/2010.
Công ty công trình Viettel	238	1,925,000	10,000	08/04/2010	0

Danh sách các công ty mới nộp hồ sơ xin niêm yết

Công ty	Địa chỉ đăng ký niêm yết	VĐL (tỷ đồng)	Ngày nộp hồ sơ
TCP Tập đoàn Mai Linh Đông Bắc Bộ	HNX	568	09/04/2010
CTCP Hải Minh	HNX	100	09/04/2010
CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	HSX	150	08/04/2010
Công ty cổ phần Tài Nguyên	HSX	85	08/04/2010
CTCP Bao bì Hà Tiên	HNX	40	01/04/2010
CTCP Dược Lâm Đồng	HNX	17	01/04/2010
CTCP Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	HSX	350	01/04/2010

Danh sách các công ty đã được chấp thuận niêm yết

Công ty	Địa chỉ đăng ký niêm yết	VĐL (tỷ đồng)	Ngày được chấp thuận
Công ty cổ phần Đá Núi Nhỏ	HSX	87.68175	09/04/2010
CTCP Chứng khoán Âu Việt	HNX	360	09/04/2010
CTCP Tập đoàn Đại Dương	HSX	2500	06/04/2010
CTCP Xuất nhập khẩu Đông Nam Á Hamico	HNX	56.88	06/04/2010
CTCP BĐS Du lịch Ninh Vân Bay	HSX	505	02/04/2010
CTCP Bến xe Miền Tây	HNX	25	01/04/2010
Công ty cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương – Becamex TDC	HSX	200	01/04/2010

Lịch niêm yết lần đầu

Công ty	Mã CK	Địa chỉ niêm yết	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Giá chào sàn (Đồng)	Ngày giao dịch
CTCP Que hàn Việt Đức	QHD	HNX	27.42		22/04/2010
CTCP Licogi 13	LIG	HNX	60.00		22/04/2010
CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung	SPD	UPCOM			22/04/2010
Công ty Cổ phần Nông Dược Hai	HAI	HSX	145.00	37,700	20/04/2010
CTCP CK Châu Á-Thái Bình Dương	APS	HNX	260.00		19/04/2010
Công ty cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	IJC	HSX	548.39	30,000	19/04/2010
CTCP Thép Nhà Bè	TNB	UPCOM			16/04/2010
CTCP Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam	PVL	HNX	500.00		15/04/2010
CTCP ĐT PT Công nghiệp Thương mại Cù Chi	CCI	HSX	90.00		15/04/2010
CTCP Vật tư Bến Thành	VTI	UPCOM			15/04/2010
Công ty cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành	BTT	HSX	88.00		14/04/2010
CTCP Đầu tư và Xây dựng Điện Meca VNECO	VES	HSX	90.08	16,000	14/04/2010

Nguồn: HSX, HSX

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Phòng Phân tích - Ban Chiến lược Kinh doanh - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Phòng phân tích – Ban chiến lược kinh doanh

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 62789898 (Ext.: 400)



CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Trụ sở chính:

20 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 62789898; Fax: (84-4) 62788989

Phòng giao dịch số 2:

Tầng 1, tòa nhà Petro Việt Nam, số 18 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội – ĐT: (84-4)37727308; Fax: (84-4)37727312

Phòng giao dịch số 3

Tầng 1, tòa nhà 22 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội – ĐT: (84-4) 39393875-77; Fax: (84-4) 39393874

Phòng giao dịch số 4

Tầng 1, số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội – ĐT: (84-4)37724434; Fax: (84-4)39426800

Chi nhánh TP.HCM:

Số 1-5 Lê Duẩn, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT: (84-8) 39111818; Fax: (84-8) 39111919

Chi nhánh Vũng Tàu:

Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, số 08 Hoàng Diệu, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339